

Bản án số: 06 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 -5 - 2024.

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Nguyễn Hồng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/QĐST- HNGĐ ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1988.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Mạc Tấn T, sinh năm: 1983. (Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2023, bản tự khai ngày 15/12/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mạc Tấn T có tìm hiểu yêu đương được một thời gian. Đến ngày 30/7/2007 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Lúc đầu anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T thường xuyên ăn nhậu gây gổ rất nhiều lần với chị, chị khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không có tiếng nói chung. Từ tháng 7/2022 chị và anh T

sống ly thân không quan tâm lẫn nhau. Chị nhận thấy việc kéo dài thời gian chung sống không được sự tôn trọng tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mạc Tấn T.

Về con chung: Có 02 con tên Mạc Thành D, sinh ngày 14/4/2008, Mạc Thị Kiều D, sinh ngày 12/5/2014, hiện nay cháu Mạc Thành D đang ở với chị và cháu Mạc Thị Kiều D đang sống với anh Mạc Tấn T. Khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu Mạc Thành D cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Mạc Thị Kiều D cho anh Mạc Tấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Mạc Tấn T không đến Tòa trình bày và không có văn bản gửi cho Tòa án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L được ly hôn anh Mạc Tấn T, chị L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, Bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho anh Mạc Tấn T được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T đều từ chối không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Anh T vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Mạc Tấn T có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2007, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị L trong quá trình vợ chồng chị chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T thường xuyên ăn nhậu gây gỗ với chị nhiều lần, chị cũng đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt không có tiếng nói chung. Đến tháng 7/2022 anh, chị sống ly thân. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh T.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm trở nên trầm trọng. Anh, chị sống ly thân không quan tâm lẫn nhau từ tháng 7/2022 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L ly hôn anh Mạc Tấn T.

[2.4] Về con chung: Có 02 con tên Mạc Thành D, sinh ngày 14/4/2008, Mạc Thị Kiều D, sinh ngày 12/5/2014.

[2.5] Đối với cháu Mạc Thành D, chị L yêu cầu giao cháu cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy: tại thời điểm xét xử, cháu Mạc Thành D có nguyện vọng ở với chị L, anh Mạc Tấn T không có yêu cầu gì đối với cháu. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào điều kiện hiện tại của cháu hiện nay đang ở với mẹ, Hội đồng xét xử xét giao cháu Mạc Thành D cho chị Phạm Thị L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.6] Đối với cháu Mạc Thị Kiều D, khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu D cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: tại thời điểm xét xử, cháu Mạc Thị Kiều D có nguyện vọng ở với anh Mạc Tấn T. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào điều kiện hiện tại của cháu D hiện nay đang ở với cha là anh Mạc Tấn T, Hội đồng xét xử xét giao cháu Mạc Thị Kiều D cho anh Mạc Tấn T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.7] Tạm thời chị L và anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T và chị L đều được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh chị thực hiện quyền này.

[2.8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 254, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L được ly hôn anh Mạc Tấn T.

2. Về con chung: Giao cháu Mạc Thành D, sinh ngày 14/4/2008 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Mạc Thị Kiều D, sinh ngày 12/5/2014 cho anh Mạc Tấn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001017 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q ;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Sơn

Nguyễn Tấn Bốn

Võ Ngọc Thông

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: 0006596 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Hữu Mừng phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

Các Hội thần nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Ngọc Thông

Các Hội thân nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Quang

Lê Thị Ngọc Lâm

Võ Ngọc Thông

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu: HS, VT

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

